

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
TP. HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **44/2018/DS-ST**

Ngày: 13-3-2018

V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH – TP. HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Cẩm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thúy Oanh

2. Ông Võ Thái Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Ông Trần Tuấn Khương – *Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.*

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Tấn Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2018, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai và ngày 13 tháng 3 năm 2018 tuyên án vụ án dân sự thụ lý số 201/2016/TLST-DS ngày 08/6/2016 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 483/2017/QĐXXST-DS ngày 13-12-2017; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2018/QĐXXST-DS ngày 10-01-2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2018/QĐST-DS ngày 10-01-2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2018/QĐST-DS ngày 06-02-2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đặng Thị L, sinh năm: 1963.

Địa chỉ: 1A đường 36, phường T, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền là ông Phi Quyết C, sinh năm: 1953.

Địa chỉ: 105 đường 30, Khu Q, phường T, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh

(Giấy ủy quyền số công chứng 00000560, quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 09/01/2018)

(Bà L, ông C có mặt tại phiên tòa)

2. Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên dịch vụ bảo vệ X.

Trụ sở: 16/8E ấp 2, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Anh Thái Đức T, sinh năm: 1991.

Địa chỉ: B10/28 ấp 2, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Lê Tiến D, sinh năm: 1985.

Địa chỉ: E3/73 ấp 5, xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Giấy ủy quyền lập ngày 23/12/2016 của Công ty TNHH một thành viên dịch vụ bảo vệ X)

(Anh D vắng mặt tại phiên tòa)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Phạm Thị Ngọc P, sinh năm: 1986.

Địa chỉ: 1135/17/9 đường H, khu phố 3, phường T, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Chị P vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 16-5-2016, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm - Nguyên đơn bà Đặng Thị L có người đại diện theo ủy quyền là ông Phi Quyết C trình bày:

Vào ngày 01-01-2013 bà Đặng Thị L có cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên dịch vụ bảo vệ X (gọi tắt là Công ty X) vay số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng), hai bên không có lập giấy nợ, không có thỏa thuận việc trả lãi hay thời hạn trả. Đến ngày 05/02/2013, bà L có cho Công ty X vay tiếp số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) thì có lập giấy vay nợ thỏa thuận thời hạn vay là 01 năm, lãi suất là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng). Đến tháng 5 năm 2014, Công ty X trả cho bà L được 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng). Đến tháng 6 năm 2014, Công ty X vay tiếp của bà L số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) và cuối tháng 6 năm 2014 vay thêm số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng); hai bên không có lập giấy nợ, không có thỏa thuận việc trả lãi và thời hạn trả.

Từ tháng 3 đến tháng 8 năm 2013, Công ty X có trả cho bà L được 06 tháng tiền lãi là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

Trước đây bà L yêu cầu tính tiền lãi với mức lãi suất cao hơn mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định, nay bà L thay đổi chỉ yêu cầu tính với mức lãi suất là 0,6%/tháng.

Nay bà Đặng Thị L khởi kiện yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên dịch vụ bảo vệ X trả số tiền nợ gốc còn lại là 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng) và tiền lãi tính theo mức lãi suất 0,6%/tháng tính từ ngày 05-8-

2013 cho đến thời điểm xét xử làm tròn là 55 tháng với số tiền là 26.400.000 đồng (hai mươi sáu triệu bốn trăm nghìn đồng). Tổng cộng số tiền là 106.400.000 đồng (một trăm lẻ sáu triệu bốn trăm nghìn đồng), trả ngay một lần ngay sau khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Tại bản tự khai ngày 27-12-2016 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên dịch vụ bảo vệ X có người đại diện theo ủy quyền là anh Lê Tiến D trình bày:

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên dịch vụ bảo vệ X hiện nay do anh Thái Đức T làm đại diện hợp pháp, nhận chuyển nhượng lại từ chị Phạm Thị Ngọc P từ ngày 07-01-2015. Hiện nay trụ sở chính của Công ty đặt tại 16/8E ấp 2, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên dịch vụ bảo vệ T xác định không có nợ tiền gì của bà Đặng Thị L và cũng không có bất kỳ mối quan hệ gì với bà L. Việc bà Đặng Thị L và chị Phạm Thị Ngọc P có vay tiền với nhau là việc riêng giữa hai người, công ty không có liên quan gì đến việc vay nợ trên. Do đó bà Đặng Thị L khởi kiện yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên dịch vụ bảo vệ X trả tiền nợ thì công ty không đồng ý.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Ngọc P vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nên Tòa án không thể tiến hành ghi nhận ý kiến và cũng không có bất kỳ văn bản nào phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày, tranh luận của các bên đương sự thì đại diện Viện kiểm sát xét thấy thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử đã được thực hiện đúng các quy định, thành phần Hội đồng xét xử và sự có mặt của thành viên Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa được quy định tại Điều 48, Điều 49, Điều 51, Điều 56 và Điều 63 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đối với những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 72 và Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo

pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Đặng Thị L khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên dịch vụ bảo vệ X. Đây là tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Theo kết quả cung cấp thông tin từ Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hồ Chí Minh thì Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên dịch vụ bảo vệ X (gọi tắt là Công ty X) có địa chỉ trụ sở chính đặt tại huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Thông qua Văn phòng Thừa phát lại huyện Bình Chánh, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh đã tiến hành tổng đạt, niêm yết công khai các văn bản tố tụng và giấy triệu tập đương sự theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 cho bị đơn Công ty X có người đại diện theo ủy quyền là anh Lê Tiến D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị Ngọc P nhưng các đương sự này vẫn vắng mặt đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về việc tuyên án vắng mặt nguyên đơn: Vào ngày 07-3-2018 khi nghị án Hội đồng xét xử xét thấy vụ án có nhiều tình tiết phức tạp, việc nghị án đòi hỏi phải có thời gian dài, do đó Hội đồng xét xử thông báo cho ông Phi Quyết C là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt tại phiên tòa biết việc tuyên án vào lúc 08 giờ ngày 13-3-2018. Tuy nhiên, đến đúng ngày giờ nêu trên ông Chiến vắng mặt không có lý do, do đó Hội đồng xét xử vẫn tuyên án vắng mặt theo quy định tại khoản 4 Điều 265, Điều 267 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[5] Về áp dụng pháp luật: Do hợp đồng dân sự của các bên đương sự thực hiện vào thời điểm Bộ luật dân sự năm 2005 có hiệu lực nên Tòa án áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết vụ án.

[6] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Đặng Thị L vẫn yêu cầu buộc Công ty Thành Đ trả số tiền nợ gốc còn lại là 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng) và tiền lãi tính theo mức lãi suất 0,6%/tháng tính từ ngày 05-8-2013 cho đến thời điểm xét xử làm tròn là 55 tháng với số tiền là 26.400.000 đồng (hai mươi sáu triệu bốn trăm nghìn đồng). Tổng cộng số tiền là 106.400.000 đồng (một trăm lẻ sáu triệu bốn trăm nghìn đồng), trả ngay một lần ngay sau khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

[7] Còn bị đơn Công ty X cho rằng việc vay tiền diễn ra giữa bà Đặng Thị L và chị Phạm Thị Ngọc P, đây là việc riêng giữa bà L và chị P; công ty X không

có nợ tiền của bà L và không có liên quan gì đến việc vay nợ trên. Do đó, Công ty X không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị L.

[8] Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy như sau: Theo Giấy vay nợ được lập ngày 05-02-2013 có chữ ký của chị P - giám đốc công ty và có đóng dấu của Công ty X, nội dung ghi nhận là có vay của bà L số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). Theo trình bày của bà L thì mục đích vay tiền của chị P – giám đốc công ty là để trả tiền lương cho nhân viên. Theo quy định tại khoản 1 Điều 93 Bộ luật dân sự năm 2005 có quy định *“Pháp nhân phải chịu trách nhiệm dân sự về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ dân sự do người đại diện xác lập, thực hiện nhân dân pháp nhân”*, Công ty X có tư cách pháp nhân và đây là giao dịch dân sự được xác lập do người đại diện theo pháp luật của công ty ký với tư cách nhân danh công ty, vì vậy, trách nhiệm đối với giao dịch vay tiền này thuộc về công ty X. Bên cạnh đó, theo hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp ngày 07-01-2015 thì chị P tiến hành chuyển nhượng lại phần vốn góp cho anh T, sau ngày lập giấy vay nợ ngày 05-02-2013. Tại mục 2 Điều 3 của Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp ngày 07-01-2015 này giữa chị P (Bên chuyển nhượng) và anh T (Bên nhận chuyển nhượng) có thỏa thuận *“Bên nhận chuyển nhượng có trách nhiệm kế thừa toàn bộ các quyền, nghĩa vụ của bên chuyển nhượng với tư cách là chủ sở hữu mới của Công ty kể từ ngày hoàn tất việc chuyển nhượng vốn góp”*. Như vậy, giữa chị P và anh T đã hoàn thành việc chuyển nhượng góp vốn vào ngày 01-01-2015 theo Giấy chứng nhận hoàn tất việc chuyển nhượng phần vốn góp số 04/2015-TB ngày 01-01-2015. Cho nên, Công ty X phải chịu trách nhiệm giải quyết vấn đề tiền nợ cho bà L theo Giấy vay nợ ngày 05-02-2013 là phù hợp với quy định của pháp luật.

[9] Về yêu cầu khởi kiện với số nợ gốc 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng) của nguyên đơn: Theo sự thừa nhận của bà L, đến tháng 5 năm 2014 Công ty X đã trả cho bà L số tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) và từ tháng 3 năm 2013 đến tháng 8 năm 2013 công ty X trả tiền lãi được 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng). Trong Giấy vay nợ ngày 05-02-2013 thì chữ viết tay do bà L tự ghi thêm trên giấy là công ty X nợ 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) và được ghi sau ngày 05-02-2013. Ngoài ra, bà L không còn chứng cứ nào khác, Như vậy, việc bà L cho rằng Công ty X có vay thêm của bà số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) là không có cơ sở xem xét.

[10] Theo Giấy vay nợ ngày 05-02-2013 bà L tính lãi suất mỗi tháng đối với số nợ gốc 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), tức là 5%/tháng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 thì mức lãi suất này vượt quá quy định, do đó cần phải được điều chỉnh lại, cụ thể như sau:

[11] Theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29-11-2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước thì mức lãi suất cơ bản là 9%/năm. Tiền lãi đối với 100.000.000 đồng từ tháng 02 năm 2013 đến tháng 5 năm 2014 là $(100.000.000 \text{ đồng} \times (9\%/\text{năm} \times 150\%) \times 14 \text{ tháng}) = 16.875.000 \text{ đồng}$. Việc Công ty X đã trả

cho bà L 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) tiền lãi là vượt quá số tiền lãi cần trả là (30.000.000 đồng – 16.875.000 đồng) = 13.125.000 đồng (mười ba triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng), số tiền này sẽ được trừ vào số nợ gốc còn lại. Như vậy, nợ gốc mà Công ty X còn nợ là (50.000.000 đồng – 13.125.000 đồng) = 36.875.000 đồng (ba mươi sáu triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

[12] Tại phiên tòa, nguyên đơn bà L thay đổi yêu cầu về mức lãi suất, chỉ yêu cầu tính theo mức lãi suất 0,6%/tháng. Hội đồng xét xử xét thấy việc thay đổi yêu cầu mức lãi suất này của nguyên đơn là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, tiền lãi từ tháng 5 năm 2014 đến thời điểm xét xử (tháng 3 năm 2018) làm tròn là 46 tháng: (36.875.000 đồng x 0,6%/tháng x 46 tháng) = 10.177.500 đồng (mười triệu một trăm bảy mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

[13] Tổng số tiền gốc và lãi mà X phải chịu trách nhiệm trả cho bà L tính đến thời điểm xét xử là: 47.052.500 đồng (bốn mươi bảy triệu không trăm năm mươi hai nghìn năm trăm đồng).

[14] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị L đối với bị đơn Công ty X, buộc Công ty X có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn bà Đặng Thị L tổng cộng số tiền nợ gốc và lãi là 47.052.500 đồng (bốn mươi bảy triệu không trăm năm mươi hai nghìn năm trăm đồng), trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[15] Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[16] Về án phí: Theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27-02-2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án thì bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên dịch vụ bảo vệ X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả là 2.352.625 đồng (hai triệu ba trăm năm mươi hai nghìn sáu trăm hai mươi lăm đồng); nguyên đơn bà Đặng Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền yêu cầu không được chấp nhận là 2.967.375 đồng (hai triệu chín trăm sáu mươi bảy nghìn ba trăm bảy mươi lăm đồng).

[17] Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung thì đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 179, Điều 184, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244, khoản 4 Điều 264, Điều 267 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 93, Điều 474, khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị L đối với bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên dịch vụ bảo vệ X về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên dịch vụ bảo vệ X có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn bà Đặng Thị L tổng cộng số tiền nợ gốc và lãi là 47.052.500 đồng (bốn mươi bảy triệu không trăm năm mươi hai nghìn năm trăm đồng), trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Các bên đương sự thực hiện việc giao nhận tiền tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên dịch vụ bảo vệ X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.352.625 đồng (hai triệu ba trăm năm mươi hai nghìn sáu trăm hai mươi lăm đồng).

- Nguyên đơn bà Đặng Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.967.375 đồng (hai triệu chín trăm sáu mươi bảy nghìn ba trăm bảy mươi lăm đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Đặng Thị L đã nộp là 2.275.000 đồng (hai triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0020012 ngày 26-5-2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh. Bà Đặng Thị L còn phải nộp thêm số tiền chênh lệch là 692.375 đồng (sáu trăm chín mươi hai nghìn ba trăm bảy mươi lăm đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và người có

quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H.BC;
- Chi cục THADS H.BC;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

Trần Thị Hồng Cẩm